

Số: /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nạo vét duy tu luồng hàng hải cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu năm 2020”**

**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;*

*Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nạo vét duy tu luồng hàng hải cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu năm 2020” họp ngày 01 tháng 10 năm 2020;*

*Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nạo vét duy tu luồng hàng hải cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu năm 2020” đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm theo Văn bản số 2798/TCTBĐATHHMN-ATHH ngày 24 tháng 11 năm 2020 và Văn bản số 2966/TCTBĐATHHMN-ATHH ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Tổng Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam;*

*Xét đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nạo vét duy tu luồng hàng hải cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu năm 2020”

(sau đây gọi là Dự án) của Tổng Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Thứ trưởng Lê Minh Ngân;
- Tổng Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam;
- UBND tỉnh Trà Vinh;
- Sở TN&MT tỉnh Trà Vinh;
- Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT, LTH.10.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Võ Tuấn Nhân**

## Phụ lục

# CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN “NẠO VẾT DUY TU LUỒNG HÀNG HẢI CHO TÀU BIỂN TRỌNG TẢI LỚN VÀO SÔNG HẬU NĂM 2020”

(Kèm theo Quyết định số..... /QĐ-BTNMT ngày ..... tháng ..... năm 2020  
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

## 1. Thông tin về dự án

### 1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Nạo vét duy tu luồng hàng hải cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu năm 2020 (sau đây gọi tắt là Dự án).

- Chủ dự án: Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam; địa chỉ liên hệ: số 10, đường 3/2 phường 8, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Địa điểm thực hiện:

+ Đoạn luồng biển: thuộc địa phận thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

+ Đoạn luồng kênh Tắt: thuộc địa phận thị xã Duyên Hải và huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

+ Đoạn luồng kênh Quan Chánh Bốt: thuộc địa phận huyện Duyên Hải và huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

+ Đoạn luồng sông Hậu: thuộc địa phận huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

### 1.2. Phạm vi, quy mô thực hiện, các hạng mục chính của Dự án

Địa điểm thực hiện nạo vét tại luồng cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu đi qua huyện Duyên Hải, thị xã Duyên Hải và huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh với chiều dài khoảng 52,6 km (theo hướng từ biển vào) bao gồm những hạng mục sau:

- Đoạn 1 - Chiều dài đoạn luồng 7,7 km; B = 85 m; H = -6,5 m (Hệ hải đồ).

- Đoạn 2 - Đoạn luồng Kênh Tắt: chiều dài đoạn luồng 8,7 km; B = 85 m; H = -6,5 m (Hệ hải đồ).

- Đoạn 3 - Đoạn luồng kênh Quan Chánh Bốt: chiều dài đoạn luồng 20 km; B = 85 m; H = -6,5 m (Hệ hải đồ).

- Đoạn 4 - Đoạn luồng sông Hậu: chiều dài đoạn luồng 16,2 km; B = 95 m; H = -6,5 m (Hệ hải đồ).

Tổng khối lượng vật, chất nạo vét khoảng 3.061.152,4 m<sup>3</sup>; vật, chất nạo vét được nhận chìm ở biển.

Vị trí nhận chìm vật, chất nạo vét: tại khu vực biển có kích thước 1 km x 1 km (theo Công văn số 4247/UBND-CN của UBND tỉnh Trà Vinh ngày 08 tháng 11 năm 2019), được giới hạn bởi các điểm có tọa độ khép góc như sau:

Tên điểm	Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°30' múi chiều 3°	
	X (m)	Y (m)
D1	1.045.681,11	623.285,30
D2	1.044.974,92	623.993,51
D3	1.045.683,13	624.699,70
D4	1.046.389,32	623.991,49

### 1.3. Công nghệ thi công

- Đoạn luồng biển và đoạn luồng sông Hậu: nạo vét bằng tàu hút bùn tự hành, vận chuyển đến khu vực nhận chìm bằng tàu hút bùn, sau đó xả đáy tại khu vực nhận chìm.

- Đoạn luồng kênh Quan Chánh Bó và đoạn luồng Kênh Tắt: nạo vét bằng máy đào gàu dây, vận chuyển đến khu vực nhận chìm bằng sà lan tự hành và các tàu phục vụ, sau đó xả đáy tại khu vực nhận chìm.

## 2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

### 2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

- Bụi, khí thải và tiếng ồn từ hoạt động của các phương tiện thi công.
- Nước thải, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại phát sinh từ cán bộ, người lao động hoạt động trên các phương tiện và từ các phương tiện phục vụ Dự án.
- Chất rắn lơ lửng phát sinh từ hoạt động thi công nạo vét và nhận chìm vật, chất nạo vét ở biển.

### 2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

Nước thải sinh hoạt: khối lượng khoảng 18 m<sup>3</sup>/ngày.đêm phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của nhân viên trên mỗi phương tiện có thành phần: TSS, BOD<sub>5</sub>, COD, Nitrat (tính theo N), Phosphat (tính theo P), Tổng Coliform.

### 2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Bụi và tiếng ồn từ quá trình hoạt động các phương tiện.
- Khí thải phát sinh từ hoạt động đốt nhiên liệu của phương tiện thi công có chứa bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO.

### 2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt: khối lượng khoảng 126 kg/ngày, bao gồm: bọc nilon, bao bì, thức ăn thừa, gốc rau, vỏ mì tôm, v.v..

### 2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

Thành phần chất thải nguy hại: khối lượng khoảng 6,3 kg vãi dính dầu và 1260 lít dầu thải phát sinh trong toàn bộ thời gian thi công, bao gồm: dầu mỡ

thải và giặt lau dính dầu trong quá trình thay dầu máy.

### **3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án**

#### **3.1. Về thu gom và xử lý nước thải**

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ phương tiện được giám sát, kiểm tra chặt chẽ việc thu gom, lưu giữ, quản lý toàn bộ chất thải sinh hoạt phát sinh trên mỗi phương tiện trong thời gian phục vụ Dự án; chất thải này phải được chuyển giao cho đơn vị có chức năng để xử lý theo quy định.

#### **3.2. Về xử lý bụi, khí thải**

Phương tiện và thiết bị sử dụng trong thi công đúng số lượng, chủng loại, công suất được duyệt và được kiểm tra, chứng nhận về chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định.

#### **3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt**

- Trang bị thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt trên mỗi phương tiện tham gia thi công. Quy định cán bộ, công nhân tham gia thi công có trách nhiệm bỏ chất thải rắn sinh hoạt vào thùng đựng trên phương tiện, không thải chất thải rắn sinh hoạt ra môi trường xung quanh.

- Lưu giữ tạm thời chất thải sinh hoạt trên phương tiện; định kỳ thực hiện chuyển giao chất thải này cho đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.

#### **3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại**

- Giám sát, kiểm tra chặt chẽ việc thu gom, lưu giữ, quản lý toàn bộ các loại chất thải nguy hại phát sinh trên từng trong quá trình triển khai Dự án, chuyển giao chất thải phát sinh cho đơn vị có chức năng để xử lý theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: tuân thủ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

#### **3.5. Biện pháp giảm thiểu tác động của tiếng ồn**

- Phương tiện sử dụng trong thi công đúng số lượng, chủng loại, công suất được duyệt và được kiểm tra, chứng nhận về chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định.

- Trang bị bảo hộ lao động giảm ồn cá nhân cho công nhân vận hành phương tiện theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: áp dụng QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

### **3.6. Các biện pháp giảm thiểu tác động do lan truyền bùn cát trong quá trình nạo vét, nhận chìm ở biển vật, chất nạo vét**

- Áp dụng các biện pháp thi công phù hợp; thực hiện nạo vét, nhận chìm ở biển đúng phạm vi, ranh giới được cấp phép; đúng cao độ, khối lượng thiết kế. Nhận chìm đúng kỹ thuật và quy trình quy định.

- Thực hiện quan trắc chất lượng nước định kỳ theo quy định trong thời gian nạo vét, nhận chìm ở biển để đánh giá diễn biến chất lượng nước và kịp thời phát hiện, xử lý các sự cố xảy ra (nếu có).

### **3.7. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường**

- Phối hợp với đơn vị chức năng, dự án lân cận để kịp thời phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn dầu, cháy nổ theo quy định; thực hiện ứng phó sự cố tràn dầu, cháy nổ theo quy định.

- Tuân thủ kế hoạch, phương án bảo đảm an toàn hàng hải theo quy định.

## **4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án**

Dự án không có công trình bảo vệ môi trường thuộc đối tượng phải được kiểm tra trước khi cho phép vận hành thử nghiệm và xác nhận hoàn thành để đi vào vận hành theo quy định.

## **5. Chương trình giám sát môi trường của chủ dự án**

### **5.1. Chương trình quản lý môi trường của dự án**

Thực hiện việc phổ biến công tác bảo vệ môi trường tới cán bộ, công nhân tham gia thực hiện Dự án; kiểm tra, đánh giá sự tuân thủ môi trường theo hướng dẫn tại Thông tư số 32/2015/TT-BGTVT ngày 24 tháng 7 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải quy định về bảo vệ môi trường trong phát triển kết cấu hạ tầng giao thông.

### **5.2. Chương trình giám sát môi trường**

#### **5.2.1. Trong giai đoạn chuẩn bị, xây dựng**

##### **a. Giám chất chất lượng nước mặt**

- Vị trí giám sát: 05 vị trí, 02 mẫu/vị trí/lần quan trắc.

Bảng vị trí giám sát chất lượng nước mặt trong giai đoạn thi công

Tên điểm	Hệ tọa độ VN2000 (KTT 105°30', múi chiếu 3°)		Vị trí
	X (m)	Y (m)	
DH1	1.064.816,960	603.190,997	Điểm đầu kênh Quan Chánh Bó và kênh thuộc xã Ngũ Lạc.
DH2	1.065.424,753	598.411,574	Khu vực lấy nước nuôi trồng thủy sản (NTTS) đầu kênh La Ban, cách phạm vi nạo vét trên kênh Quan Chánh Bó

			khoảng 200 m.
DH3	1.064.400,322	593.081,520	Khu vực lấy nước NTTS đầu rạch Bàu Sấu, cách phạm vi nạo vét trên kênh Quan Chánh Bó khoảng 200 m.
DH4	1.063.875,177	591.930,284	Khu vực lấy nước NTTS đầu kênh Xẻo Bông, cách phạm vi nạo vét trên kênh Quan Chánh Bó khoảng 200 m.
DH5	1.062.863,883	586.554,148	Khu vực lấy nước NTTS đầu tuyến kênh gần ngã ba giao đoạn luồng sông Hậu và kênh Quan Chánh Bó, cách khu vực nạo vét 200 m.

- Thông số giám sát: theo quy định.

- Tần suất giám sát: tối thiểu 01 tuần/lần, riêng pH, TSS, DO thực hiện quan trắc hàng ngày trong quá trình thực hiện nạo vét.

- Quy chuẩn so sánh: áp dụng QCVN 08-MT:2015/BTNMT (B1).

#### **b. Giám chất chất lượng nước biển**

- Vị trí giám sát: 04 vị trí (SH1, SH2, SH3 và SH4 nằm trong vùng 03 hải lý đến 24 hải lý (khoảng 5,5 km ÷ 44 km) thuộc vùng biển gần bờ).

Bảng vị trí giám sát tác động của quá trình nhận chìm tới môi trường nước biển

Tên điểm	Hệ tọa độ VN2000 (KTT 105°30', múi chiều 3°)		Vị trí
	X (m)	Y (m)	
SH1	1.046.970,22	620.576,24	Điểm quan trắc, giám sát theo tuyến giám sát hướng về khu vực lấy nước phục vụ nuôi trồng thủy sản xã Đông Hải.
SH2	1.049.118,73	616.061,14	
SH3	1.049.076,39	622.777,00	Điểm quan trắc, giám sát theo tuyến giám sát hướng về khu vực lấy nước phục vụ nuôi trồng thủy sản xã Dân Thành và khu bãi tắm Ba Động.
SH4	1.053.682,98	620.787,25	

- Tại mỗi điểm quan trắc, giám sát thực hiện lấy mẫu tại 3 tầng nước và giá trị quan trắc là lấy giá trị trung bình tại 3 tầng nước: tầng mặt (cách mặt nước biển 1 m), tầng giữa (giữa mặt nước biển và đáy biển) và tầng đáy (cách đáy biển 1 m).

- Thông số quan trắc: theo quy định.

- Thời điểm quan trắc: thực hiện từ trước khi bắt đầu nhận chìm 01 tuần,

trong quá trình thực hiện nhận chìm.

- Tần suất quan trắc:

+ Quan trắc 01 ngày/lần đối với các thông số pH, TSS, DO.

+ Quan trắc 01 tuần/lần đối với các thông số tại Bảng 2 của QCVN 10-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển.

- Giá trị giới hạn của các thông số chất lượng môi trường biển:

+ Các thông số (pH, TSS, DO): giá trị giới hạn theo Bảng 1 của QCVN 10-MT:2015/BTNMT.

+ Các thông số khác: giá trị giới hạn theo Bảng 2 của QCVN 10-MT:2015/BTNMT.

### ***c. Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại***

Quá trình thu gom và xử lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công Dự án đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019 NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

### ***d. Giám sát hoạt động vận chuyển đổ thải***

Nhà thầu vận chuyển lắp đặt thiết bị AIS có camera ghi toàn bộ hoạt động từ khi phương tiện bắt đầu tiếp nhận chất nạo vét cho đến kết thúc quá trình chứa, vận chuyển bùn đất nạo vét và đổ bùn đất nạo vét tại vị trí quy định; bộ phận ghi, lưu giữ, màn hình hiển thị hình ảnh, đồng hồ đo thời gian thực.

### ***e. Giám sát và ứng phó sạt lở đường bờ***

Trong suốt quá trình thi công, Chủ dự án kết hợp với các đơn vị liên quan thực hiện giám sát đường bờ trong suốt quá trình thi công, trường hợp có dấu hiệu sạt lở đường bờ do hoạt động của Dự án gây ra dừng ngay thi công và kết hợp với các cơ quan liên quan khắc phục gia cố theo quy định.

### ***5.2.2. Trong giai đoạn vận hành (kết thúc nhận chìm ở biển)***

- Vị trí giám sát: 04 vị trí (SH1, SH2, SH3 và SH4 nằm trong vùng 03 hải lý đến 24 hải lý (khoảng 5,5 km ÷ 44 km) thuộc vùng biển gần bờ).

Bảng vị trí giám sát tác động của quá trình nhận chìm tới môi trường nước biển

Tên điểm	Hệ tọa độ VN 2000 (KTT 105°30', múi chiếu 3°)		Vị trí
	X (m)	Y (m)	
SH1	1.046.970,22	620.576,24	Điểm quan trắc, giám sát theo tuyến

SH2	1.049.118,73	616.061,14	giám sát hướng về khu vực lấy nước phục vụ NTTS xã Đông Hải.
SH3	1.049.076,39	622.777,00	Điểm quan trắc, giám sát theo tuyến giám sát hướng về khu vực lấy nước phục vụ nuôi trồng thủy sản xã Dân Thành và khu bãi tắm Ba Động.
SH4	1.053.682,98	620.787,25	

- Tại mỗi điểm quan trắc, giám sát thực hiện lấy mẫu tại 3 tầng nước và giá trị quan trắc là lấy giá trị trung bình tại 3 tầng nước: tầng mặt (cách mặt nước biển 1 m), tầng giữa (giữa mặt nước biển và đáy biển) và tầng đáy (cách đáy biển 1 m).

- Thông số quan trắc: theo quy định.

- Thời điểm quan trắc: thực hiện trong 01 tuần sau khi kết thúc hoạt động nhận chìm.

- Tần suất quan trắc:

+ Quan trắc 01 ngày/lần đối với các thông số pH, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Oxy hòa tan (DO).

+ Quan trắc 01 tuần/lần đối với các thông số: As, Cd, Pb, Cr, Cu, Zn, Hg, Xyanua, Aldrin, Benzene hexachloride (BHC), Dieldrin, Tổng Dichloro diphenyl trichloroethane (DDTs), Heptachlor & Heptachlorepoxyde, Tổng Phenol, Tổng dầu mỡ khoáng.

- Giá trị giới hạn của các thông số chất lượng môi trường biển:

+ Các thông số (pH, TSS, DO): giá trị giới hạn theo Bảng 1 (cột các nơi khác) của QCVN 10-MT:2015/BTNMT.

+ Các thông số khác: giá trị giới hạn theo Bảng 2 của QCVN 10-MT:2015/BTNMT.

Kết thúc quá trình nạo vét, nhận chìm ở biển, Chủ dự án có trách nhiệm thanh thải mọi chương ngại vật, di chuyển các thiết bị, máy móc thi công, phao dấu, biển báo ra khỏi khu vực theo quy định; đo, vẽ và lưu giữ địa hình đáy biển.

## 6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

**6.1. Trong quá trình thi công nạo vét, thực hiện Dự án, Chủ dự án phải thực hiện đầy đủ các điều kiện kèm theo như sau:**

a. Tuân thủ Nghị định số 159/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa.

b. Chỉ được phép triển khai nạo vét, nhận chìm theo đúng địa điểm, diện tích, chuẩn tắc thiết kế được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận và tuân thủ nghiêm các yêu cầu về an toàn trong thiết kế đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

c. Hướng dẫn, phổ biến công tác bảo vệ môi trường tới toàn thể cán bộ công nhân viên tham gia thực hiện Dự án; kiểm tra, đánh giá sự tuân thủ môi trường theo hướng dẫn tại Thông tư số 32/2015/TT-BGTVT ngày 24 tháng 7 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải quy định về bảo vệ môi trường trong phát triển kết

cầu hạ tầng giao thông.

d. Lập phương án đảm bảo an toàn hàng hải cho Dự án theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ trình Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ phê duyệt trước khi thi công Dự án; lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn tại khu vực nạo vét và phối hợp với cơ quan chức năng thông báo đến các chủ phương tiện vận tải thủy sử dụng tuyến luồng trong thời gian triển khai các hoạt động của Dự án.

e. Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến hệ sinh thái, môi trường và các hoạt động kinh tế dân sinh khác khu vực Dự án trong quá trình thi công xây dựng.

f. Lập kế hoạch cụ thể, chi tiết và thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý và kỹ thuật đề phòng ngừa, ứng phó các sự cố tai nạn lao động, cháy, nổ và các rủi ro và sự cố môi trường khác trong giai đoạn thi công.

g. Thực hiện chương trình giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác như đã đề xuất; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

**6.2. Chủ dự án chỉ được thực hiện hoạt động nhận chìm sau khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép và phải thực hiện đầy đủ các yêu cầu, điều kiện khi tiến hành hoạt động nhận chìm vật chất nạo vét ở biển như sau:**

a. Thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường của hoạt động nhận chìm, đảm bảo hoạt động nhận chìm không làm ảnh hưởng xấu đến chất lượng nước biển và hệ sinh thái biển khu vực.

b. Sử dụng phương tiện và thiết bị nhận chìm phù hợp, đồng thời áp dụng các giải pháp kỹ thuật hỗ trợ, đảm bảo vật, chất nhận chìm không làm ảnh hưởng xấu đến chất lượng nước biển và hệ sinh thái biển khu vực, cụ thể:

- Lựa chọn nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm trong việc thực hiện nạo vét và nhận chìm ở biển;

- Các phương tiện thực hiện việc nhận chìm phải có thiết bị tự động nhận dạng (AIS) để cơ quan nhà nước quản lý, theo dõi và hỗ trợ giám sát hoạt động vận chuyển, nhận chìm vật, chất nạo vét theo quy định.

c. Xây dựng kế hoạch quan trắc, giám sát chặt chẽ quá trình nhận chìm, chất lượng nước biển, đa dạng sinh học khu vực nhận chìm và lân cận, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt trong hồ sơ cấp phép nhận chìm và giao khu vực biển, đảm bảo nguyên tắc sau: Chủ dự án chịu trách nhiệm giám sát 24/24 giờ đối với mỗi phương tiện tham gia nhận chìm vật, chất nạo vét của nhà thầu; phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước giám sát hành trình thông qua thiết bị tự động nhận dạng (AIS) trong thời gian nạo vét, vận chuyển và nhận chìm vật, chất nạo vét.

d. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và ràng buộc trách nhiệm với tổ chức, cá nhân đã thực hiện mô hình dự báo lan truyền vật, chất nhận chìm về số liệu và kết quả tính toán; chịu trách nhiệm trước pháp luật và ràng buộc trách nhiệm

với tổ chức, cá nhân đã thực hiện việc khảo sát, thẩm tra kết quả điều tra, khảo sát, đánh giá hiện trạng nguồn lợi sinh vật tại khu vực dự kiến nhận chìm. Trường hợp kết quả giám sát trong thực tế vượt quá kết quả tính toán của mô hình dự báo lan truyền vật, chất nhận chìm, Chủ dự án phải dừng ngay mọi hoạt động, báo cáo kịp thời đến Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh, Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ và chịu trách nhiệm giải trình, khắc phục hậu quả theo quy định của pháp luật.

e. Trong quá trình giám sát chất lượng nước phát hiện có tác động bất lợi đến môi trường, phải dừng ngay hoạt động nhận chìm và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

f. Ngoài việc công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại khoản 1 Điều 2 Quyết định này, niêm yết công khai chương trình giám sát môi trường của hoạt động nạo vét, vận chuyển và nhận chìm vật, chất nạo vét ở biển tại Trụ sở Ủy ban nhân dân các xã Long Khánh, Long Vĩnh, Đôn Xuân, Đôn Châu, huyện Duyên Hải và xã Định An, huyện Trà Cú để cộng đồng biết, giám sát./.